

Số: TVHN-60/THOA

Thanh Hóa, ngày 09 tháng 6 năm 2025

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN TỈNH THANH HÓA**

**1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:**

Diễn biến xu thế mực nước trên các lưu vực sông (vùng không ảnh hưởng triều) trong 24 giờ qua: Mực nước trên các sông biến đổi chậm. Hạ lưu sông Mã, sông Chu dao động theo điều tiết từ các hồ chứa thủy điện, thủy lợi.

Hạ lưu sông Mã (vùng ảnh hưởng triều), sông Yên, sông Lèn và vùng cửa sông ven biển dao động theo thủy triều.

**2. Dự báo, cảnh báo:**

- Diễn biến xu thế mực nước trên các lưu vực sông trong 24 giờ tới: Mực nước trên các sông biến đổi chậm. Hạ lưu sông Mã, sông Chu dao động theo điều tiết từ các hồ chứa thủy điện, thủy lợi.

- Hạ lưu sông Mã (vùng ảnh hưởng triều), sông Yên, sông Lèn và vùng cửa sông ven biển dao động theo thủy kém. Mực nước xuống thấp dần và đạt giá trị thấp nhất vào sáng ngày hôm nay sau đó lên cao dần và đạt giá trị cao nhất vào chiều ngày hôm nay.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong 24 giờ tới: Chưa có dấu hiệu xuất hiện.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Ít có tác động.

**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h25 ngày 10/6/2025**

**Tin phát lúc: 11h25 ngày 09/6/2025**

**Dự báo viên**

**Nguyễn Thị Hoa**

**Phụ lục**

**Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm**

Bảng 1: Mực nước thực đo và dự báo các trạm vùng sông không ảnh hưởng triều  
Đơn vị: cm

| Sông | Trạm        | Thực đo | Dự báo   |          |         |         |
|------|-------------|---------|----------|----------|---------|---------|
|      |             | 7h/09/6 | 13h/09/6 | 19h/09/6 | 1h/10/6 | 7h/10/6 |
| Mã   | Mường Lát   | 16471   | 16444    | 16440    | 16443   | 16470   |
| Mã   | Hồi Xuân    | 5405    | 5345     | 5403     | 5407    | 5400    |
| Mã   | Cẩm Thủy    | 1163    | 1200     | 1170     | 1220    | 1175    |
| Mã   | Lý Nhân     | 226     | 225      | 210      | 200     | 240     |
| Bưởi | Thạch Quảng | 789     | 795      | 790      | 780     | 780     |
| Bưởi | Kim Tân     | 372     | 380      | 390      | 400     | 390     |
| Âm   | Lang Chánh  | 4684    | 4684     | 4684     | 4685    | 4687    |
| Chu  | Cửa Đạt     | 2743    | 2747     | 2735     | 2745    | 2743    |
| Chu  | Bái Thượng  | 1074    | 1128     | 1145     | 1139    | 1090    |
| Chu  | Xuân Khánh  | 117     | 140      | 145      | 135     | 130     |

Bảng 2: Mực nước thực đo và dự báo các trạm vùng sông ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

| Sông | Trạm       | Thực đo         |                 | Dự báo          |                 |
|------|------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
|      |            | Hmax<br>(t-24h) | Hmin<br>(t-24h) | Hmax<br>(t+24h) | Hmin<br>(t+24h) |
| Mã   | Giàng (**) | 117             | -70             | 130             | -95             |
| Mã   | Quảng Châu | 91              | -92             | 95              | -95             |
| Lèn  | Lèn        | 165             | -20             | 170             | -25             |
| Lèn  | Cụ Thôn    | 157             | -38             | 162             | -40             |
| Yên  | Chuối      | 68              | -26             | 73              | -30             |
| Yên  | Ngọc Trà   | 82              | -93             | 86              | -96             |

Ghi chú: Trạm (\*\*) lấy giá trị thực đo 36 giờ qua và dự báo 36 giờ tới

## Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm:

